FireAnt

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (HSX: DGC)

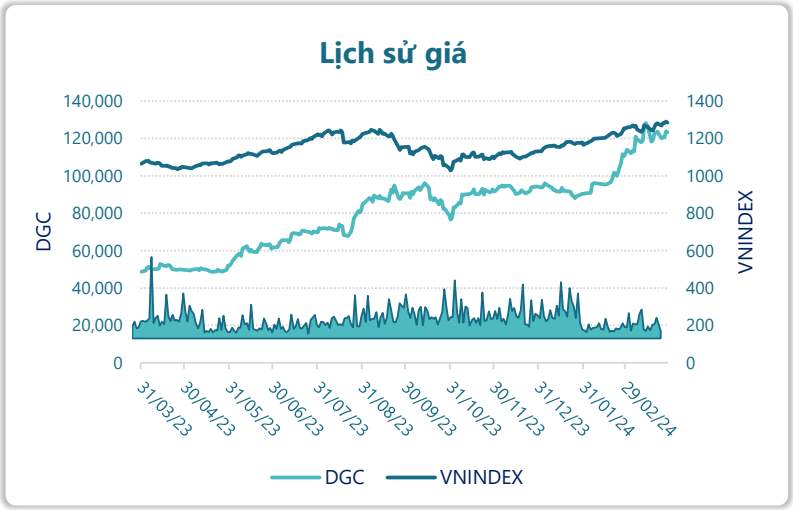

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**123,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	128,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,594
SL cổ phiếu LH	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,588,279
% sở hữu nước ngoài	18.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46,865
P/E	15.7
EPS	7,845

DT thuần

Q1/24

2,385

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00| -0.1%

YoY: ▼98.0| -4.0%

LN sau thuế

Q1/24

704

tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.0| -5.6%

YoY: ▼119| -14.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

36.1%

+/- YoY: ▼ 8.2%

DT thuần

2023

9,748

tỷ VNĐ

YoY: ▼4,696| -32.5%

LN sau thuế

2023

3,242

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,795| -46.3%

ROE

2023

27.1%

+/- YoY: ▼ 37.7%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

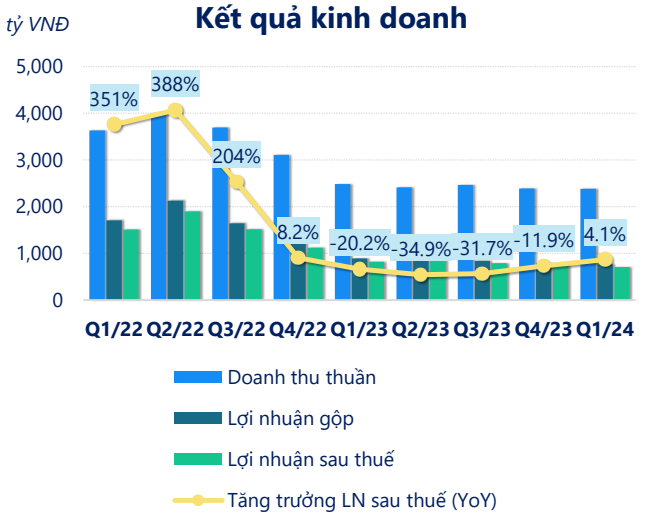

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

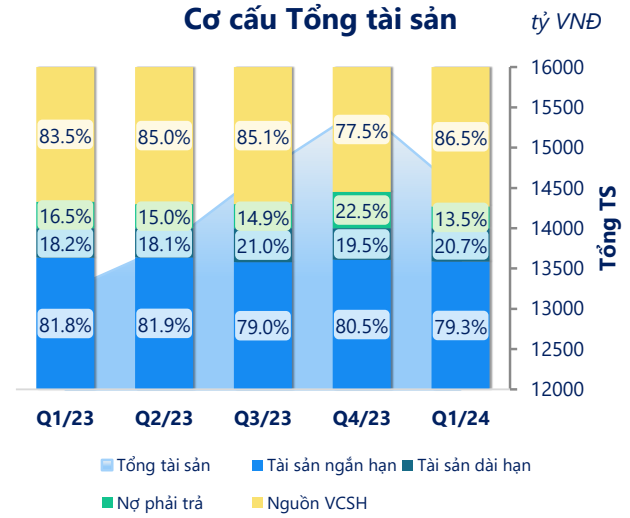

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

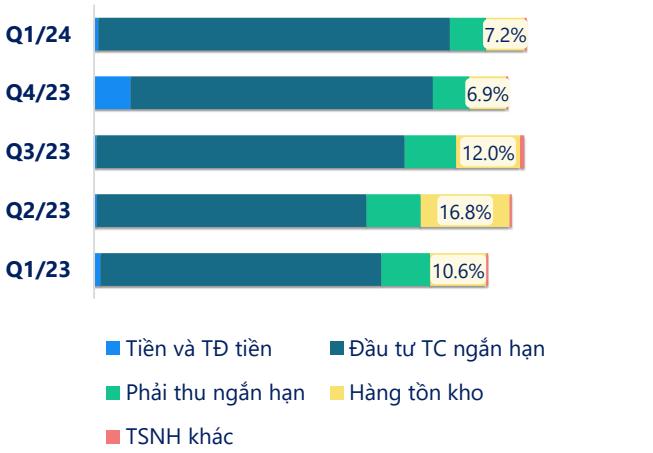

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

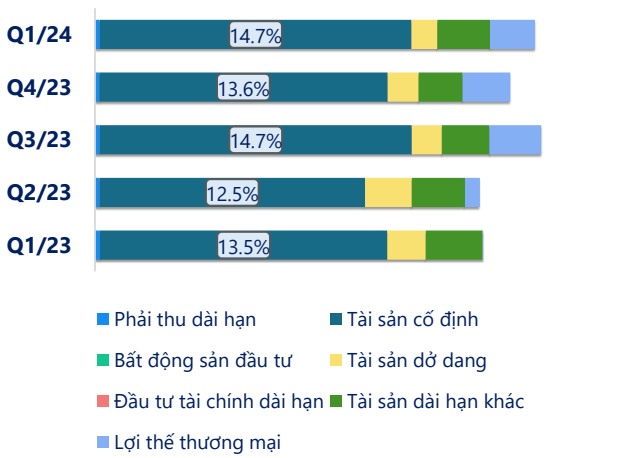

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

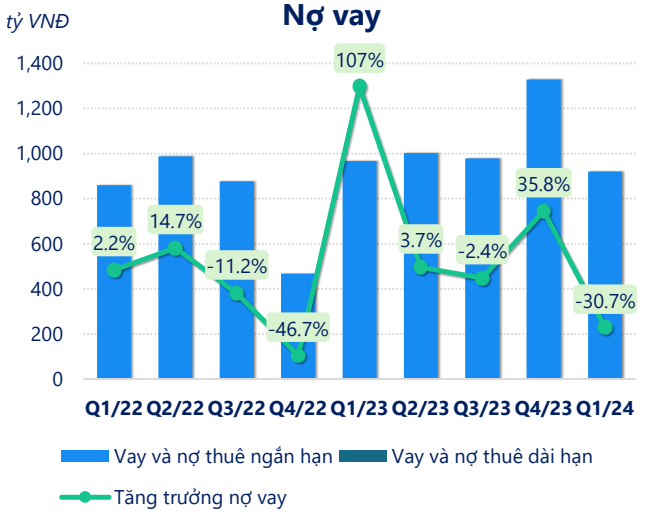

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

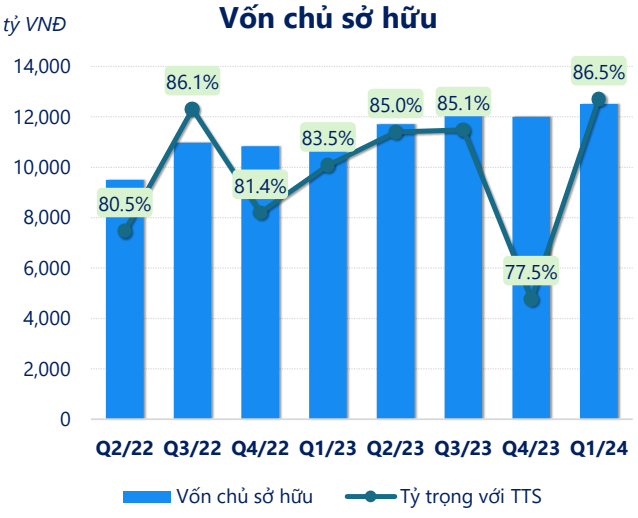

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

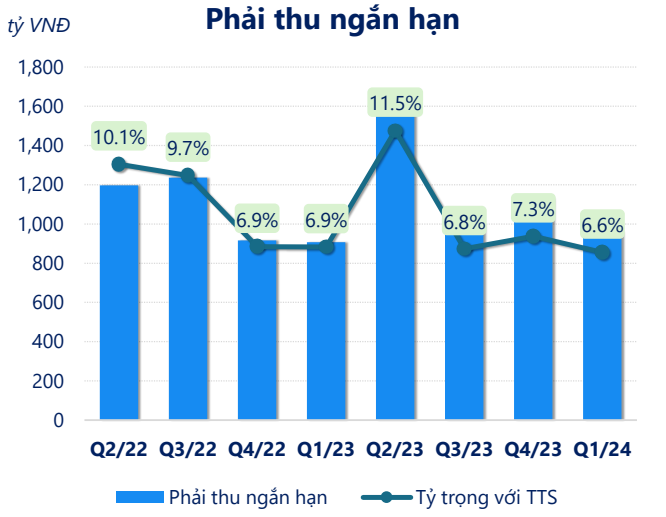

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

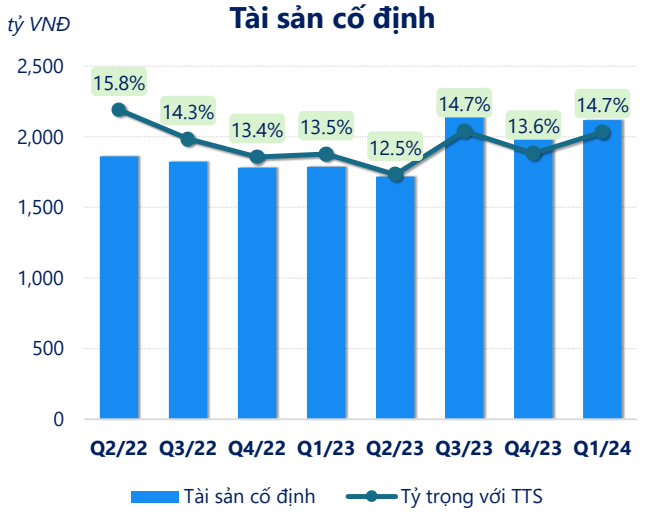

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

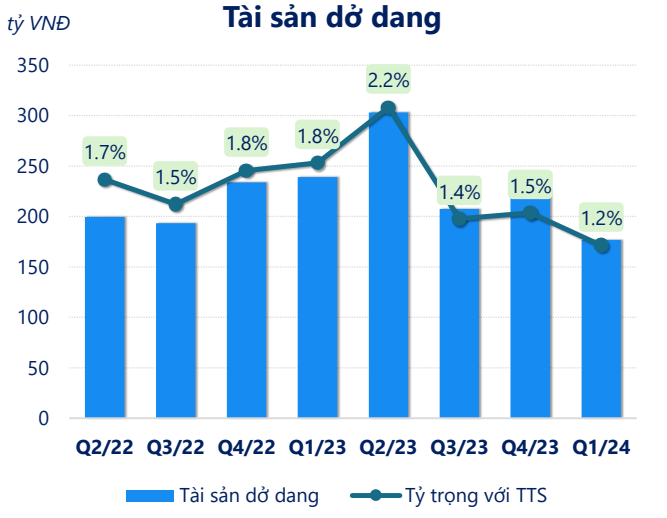

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

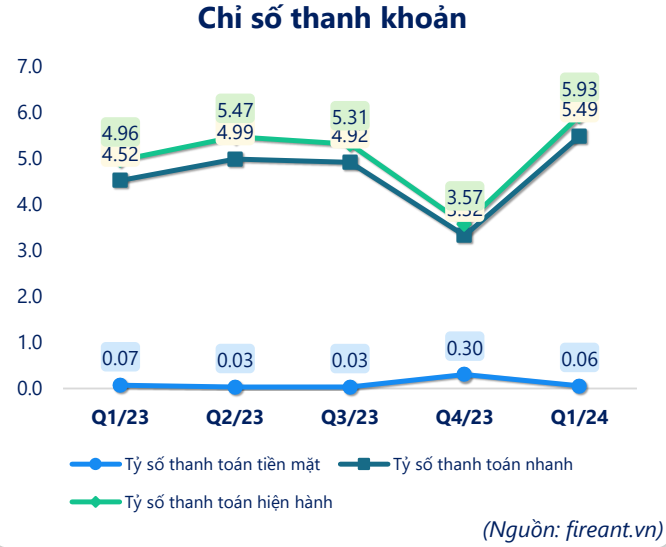

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

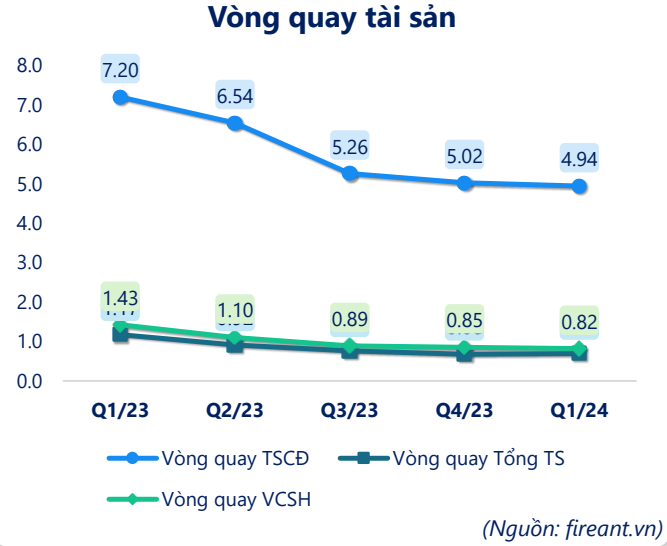

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**13,215**	**13,765**	**14,693**	**15,492**	**14,459**
Tài sản ngắn hạn	**10,804**	**11,274**	**11,610**	**12,466**	**11,468**
Tiền và tương đương tiền	158	71.5	73.2	1,061	113
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8,737	8,521	9,594	9,342	9,457
Phải thu ngắn hạn	907	1,581	998	1,130	961
Hàng tồn kho	954	997	858	855	859
Tài sản ngắn hạn khác	47.3	104	88.1	79.2	78.3
Tài sản dài hạn	**2,412**	**2,490**	**3,083**	**3,025**	**2,990**
Phải thu dài hạn	30.2	30.2	31.2	31.2	32.5
Tài sản cố định	1,787	1,717	2,158	2,100	2,118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	239	303	208	225	177
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	352	345	328	321	358
Lợi thế thương mại	3.58	94.8	358	348	305
Nợ phải trả	**2,179**	**2,060**	**2,186**	**3,493**	**1,949**
Nợ ngắn hạn	**2,178**	**2,060**	**2,186**	**3,492**	**1,934**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	967	1,003	978	1,328	921
Phải trả người bán ngắn hạn	283	242	294	190	261
Nợ dài hạn	0.26	0.26	0.27	0.27	14.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,037**	**11,704**	**12,507**	**11,999**	**12,510**
Vốn chủ sở hữu	**11,037**	**11,704**	**12,507**	**11,999**	**12,510**
Vốn điều lệ	3,798	3,798	3,798	3,798	3,798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)